

Những thành công và hạn chế của 3 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011-2015) và giải pháp tiếp theo cho năm 2014-2015

PGS. TS. ĐÀO DUY HUÂN

Sau 3 năm thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm mà Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, tuy nền kinh tế thế giới vẫn suy thoái, khủng hoảng nợ công vẫn còn đó, tình hình chính trị khu vực bất lợi, nhưng chúng ta đã đạt và vượt kế hoạch 11 chỉ tiêu, 2 chỉ tiêu xấp xỉ đạt và 2 chỉ tiêu không đạt. Đây là một cố gắng vượt bậc của cả đất nước. Nhiệm vụ 2 năm sau cùng còn nhiều, vì vậy cần phải có nhiều chính sách, giải pháp thiết thực hơn nhằm thực hiện trọn vẹn các mục tiêu của kế hoạch 5 năm (2011-2015). Bài viết dựa trên sự tổng hợp các số liệu báo cáo của Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội. Phương pháp để hoàn thành bài viết là dựa vào phương pháp kế thừa, diễn dịch- quy nạp.

Từ khóa: Kinh tế, dự báo trong nước, thế giới.

1. Những kết quả tích cực đạt được từ năm 2011- 2013

Một là, nhờ có những chính sách, giải pháp tổng thể phù hợp của Chính phủ, các bộ ngành như: tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, hàng tồn kho và hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, nên trong 9 tháng đầu năm 2013, tín dụng cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 19,85%, nông nghiệp, nông thôn tăng 15,5%, công nghiệp hỗ trợ tăng 5,98%...

Về tốc độ tăng trưởng, năm 2011 tăng trưởng GDP đạt 6,24%, năm 2012 đạt 5,25%; năm ước tăng khoảng 5,4% (Tính theo giá so sánh năm 2010). Như vậy bình

quân 3 năm, GDP tăng khoảng 5,6%/năm. Sản xuất công nghiệp, xây dựng từng bước được phục hồi; khu vực nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng ổn định; các ngành dịch vụ tăng trưởng khá. Trong 9 tháng, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 10,8% và có trên 11,2 nghìn doanh nghiệp đã hoạt động trở lại. Chất lượng tăng trưởng có bước được nâng lên. Vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn. Hệ số ICOR giảm từ 6,7 giai đoạn 2008 - 2010 xuống còn 5,53 giai đoạn 2011 - 2013. Năng suất lao động năm 2013 tăng 10,1% so với năm 2010. Tiêu hao điện năng trên một đơn vị GDP giảm. Trong bối cảnh tình hình kinh tế vẫn tiếp tục suy thoái, phục hồi chậm chạp, mà chúng ta được tốc độ và chất

lượng tăng trưởng như vậy là một thành công được thế giới ghi nhận tích cực.

Hai là, Chính phủ đã kịp thời đưa ra và thực hiện các giải pháp đồng bộ để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành linh hoạt, hiệu quả các công cụ chính sách tài khóa và tiền tệ. Hệ quả tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm từ 18,13% năm 2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 9 tháng năm 2013 là 4,63%, dự báo cả năm khoảng 7% (kế hoạch khoảng 8%).

Tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng được kiểm soát phù hợp với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán bình quân giai đoạn



2006 - 2010 là trên 30%/năm giảm còn 12,5% năm 2011 và 22,5% năm 2012; 10,53% trong 9 tháng đầu năm 2013, ước cả năm khoảng 16%. Tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 33,3%/năm, giảm còn 14,45 % năm 2011 và 8,85% năm 2012; 6,82% trong 9 tháng đầu năm 2013, ước cả năm khoảng 12%.

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay giảm mạnh. Tính theo lãi suất năm, mặt bằng lãi suất huy động giảm 7 - 10 %, lãi suất cho vay giảm 9 - 12 %; riêng 9 tháng năm 2013 lãi suất huy động giảm 2 - 3 %, cho vay giảm 3-5%. Mặt bằng lãi suất cho vay đã trở về mức của giai đoạn 2005 - 2006. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên phổ biến ở mức 7 - 9%/năm; các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác là 9 - 11,5%/năm; một số doanh nghiệp tình hình tài chính lành mạnh được vay với lãi suất 6,5 - 7%/năm. Tỷ giá cơ bản ổn định, dự trữ ngoại hối tăng nhanh, đạt mức khoảng 12 tuần nhập khẩu. Dự trữ ngoại hối nhà nước tăng

từ 6 tuần nhập khẩu vào cuối năm 2010 lên 6,5 tuần vào cuối năm 2011 và khoảng 12 tuần vào cuối năm 2012 và 2013. Niềm tin vào đồng tiền VN tăng lên.

Chính phủ đã đưa ra và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu; vì vậy, xuất khẩu 9 tháng tăng 15,7%, ước cả năm tăng 14,4% (kế hoạch 10%); bình quân 3 năm tăng 22%/năm (kế hoạch 5 năm 12%/năm). Nhập khẩu năm 2013 ước tăng 15,6%, nhập siêu khoảng 0,4% tổng kim ngạch xuất khẩu (kế hoạch 8%). Cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt. Quan hệ thương mại và đầu tư tiếp tục được mở rộng với hầu hết các quốc gia và nền kinh tế.

Ngân sách nhà nước được quản lý tốt hơn, giải pháp chống thất thu và tiết kiệm chi tỏ ra hiệu quả. Năm 2011 - 2012 đã cố gắng cân đối ngân sách theo kế hoạch. Riêng năm năm 2013, thu ngân sách gặp khó khăn do các doanh nghiệp vẫn chưa vượt qua được suy giảm, do sức mua trên thị trường giảm, hệ quả tổng thu ước đạt 96,9%, tổng chi ước đạt 100,8% dự toán. Bội chi

khoảng 5,3% GDP. Nợ chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn an toàn. Năm 2011 nhập siêu 9,8 tỷ USD, bằng 10,1% kim ngạch xuất khẩu; năm 2012 xuất siêu 750 triệu USD; ước năm 2013 nhập siêu 500 triệu USD, bằng 0,4% kim ngạch xuất khẩu.

So với năm 2010, 2011 và 2012, nếu dựa trên tổng cầu thị trường trong nước vẫn tăng, do đó hàng tồn kho giảm mạnh. Đến cuối năm 2013, dư nợ công ước khoảng 56,2% GDP, dư nợ chính phủ khoảng 42,6% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 39,5% GDP. Giá cả các hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu như điện, xăng dầu, than, y tế... từng bước được thực hiện theo cơ chế thị trường với lộ trình phù hợp gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo.

Đề thu hút vốn FDI, Chính phủ, Quốc hội đã hoàn thiện môi trường kinh doanh tốt hơn, do đó vốn FDI đăng ký mới và thực hiện năm sau cao hơn năm trước, chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Nguồn vốn FDI đã tập trung hơn

vào công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao theo mục tiêu hiện đại hóa nền kinh tế. Chín tháng, vốn FDI đăng ký tăng 36,1%, vốn thực hiện tăng 6,4%; vốn ODA ký kết tăng 8,83%, giải ngân tăng 8,68%. Cùng với các nguồn vốn khác đang được huy động, tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2013 ước đạt 29,1% GDP.

Ba là, Chính phủ đã và tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách tài cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Thực hiện đề án tổng thể đã được phê duyệt, các ngành, các địa phương tích cực xây dựng và triển khai các đề án, chương trình hành động; rà soát nâng cao chất lượng quy hoạch; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, sản phẩm, thị trường.

Chính phủ cũng đã điều chỉnh cơ cấu và cơ chế phân bổ vốn đầu tư; tập trung vốn cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết và vốn đối ứng cho các dự án ODA. Kiểm soát chặt chẽ các dự án, công trình khởi công mới, khắc phục một bước tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Thực hiện cơ chế quản lý, cân đối vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư, bảo đảm quản lý thống nhất của trung ương, tăng cường trách nhiệm của địa phương và chủ đầu tư. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xã hội. Tỷ trọng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng từ 61,3% giai đoạn 2006 - 2010 lên 62,6% giai đoạn 2011 - 2013.

Chính phủ đã triển khai đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và đạt được kết quả bước đầu. Hoạt động của hệ thống ngân hàng được kiểm soát và bảo đảm an toàn. Các ngân hàng yếu kém được cơ cấu lại. Đã cơ

phần hóa 4 ngân hàng thương mại nhà nước. Chuyển Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương thành Ngân hàng Hợp tác xã. Thanh khoản được cải thiện, sức cạnh tranh của nhiều ngân hàng thương mại được nâng lên. Hoàn thiện các quy định về an toàn và tăng cường giám sát, thanh tra hoạt động của các tổ chức tín dụng. Chủ động xử lý nợ xấu, kiểm chế nợ xấu gia tăng và đã đưa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) vào hoạt động. Rà soát, ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng. Thực hiện cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán, bảo hiểm.

Chính phủ đã và đang hoàn thiện cơ chế, chính sách đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước. Triển khai thực hiện nhiều văn bản pháp luật theo hướng tăng cường quản lý nhà nước và xác định rõ quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm, phát huy tính tự chủ và công khai minh bạch của doanh nghiệp trong kinh tế thị trường theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch phù hợp với hội nhập như tập trung phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 60,2% năm 2010 lên khoảng 78% năm 2013. Quản lý nhà nước về đô thị được tăng cường. Tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 30,5% năm 2010 lên 33,4% năm 2013.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tập trung chuyển đổi cơ cấu

cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các vùng chuyên canh, sản xuất quy mô lớn, khu nông nghiệp công nghệ cao, liên kết sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Nhiều mô hình tổ chức sản xuất mới phù hợp với năng lực sản xuất, yêu cầu của thị trường và bảo đảm hài hòa lợi ích được hình thành và từng bước nhân rộng.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được tích cực triển khai. Nông thôn có nhiều đổi mới, nhất là về kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được cải thiện. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch tích cực; tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp trong kinh tế nông thôn giảm; tỷ trọng lao động nông nghiệp trên địa bàn nông thôn giảm từ 49,5% năm 2010 xuống còn 47% năm 2013. Nông nghiệp và nông thôn luôn đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong lĩnh vực dịch vụ, từng ngành và doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và tập trung phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao như công nghệ thông tin, truyền thông, tài chính - ngân hàng, vận tải, logistics, du lịch, thương mại, phân phối... Tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt khá cao liên tục trong 3 năm qua

Bốn là, Chính phủ đã triển khai thực hiện quy hoạch và tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực. Quan tâm phát triển giáo dục đào tạo ở các

vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách. Nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo từng bước được điều chỉnh. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Công tác thi cử, kiểm định chất lượng, ứng dụng công nghệ thông tin, dạy và học ngoại ngữ có bước tiến bộ. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho dạy và học. Thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên nghèo. Nhiều học sinh VN đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế và khu vực. Đẩy mạnh dạy nghề, nhất là cho lao động nông thôn; phát triển thị trường lao động, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% năm 2010 lên 49% năm 2013.

Năm là, Chính phủ đổi mới quản lý nhà nước về khoa học công nghệ. Tiềm lực khoa học công nghệ được tăng cường một bước. Số công trình nghiên cứu khoa học được công bố và trích dẫn quốc tế năm 2012 tăng khoảng 28% so với năm 2011. Đã đưa vào sử dụng 2 vệ tinh viễn thông và 1 vệ tinh viễn thám. Thị trường khoa học công nghệ có bước phát triển, trong 3 năm đã có khoảng 11.700 giao dịch với tổng giá trị trên 5.680 tỷ đồng. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ hiện đại được ứng dụng rộng rãi, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, thông tin, y tế... góp phần thiết thực vào phát triển và bảo vệ đất nước.

Sáu là, Chính phủ đã rà soát, bổ sung thể chế và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Tập trung khắc phục tình trạng đầu tư công dàn trải, kém hiệu quả. Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước với nhiều hình thức (BOT,

BT, BOO, PPP) cho phát triển kết cấu hạ tầng. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, viễn thông, hạ tầng đô thị đã được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả. Đang tiếp tục đầu tư xây dựng nhiều công trình mới quan trọng thiết yếu.

Bảy là, thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm, nhất là đào tạo nghề, hỗ trợ tín dụng. Ước cả năm tạo việc làm cho khoảng 1,54 triệu người; 3 năm khoảng 4,6 triệu người, trong đó xuất khẩu lao động 253 nghìn người. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị luôn ở mức dưới 4%, hiện khoảng 3,48%. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,2% cuối năm 2010 còn 9,6% cuối năm 2012 và dự kiến còn 7,8% vào cuối năm 2013. Thành tựu giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội của VN được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Trên 98% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Số người hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tăng từ 1,7 triệu cuối năm 2010 lên trên 2,5 triệu năm 2013. Mở rộng diện và tăng mức hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất và khắc phục hậu quả thiên tai. Các chương trình nhà ở xã hội, cụm tuyến dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long, nhà ở tránh lũ ở khu vực miền Trung được tích cực thực hiện. Dư nợ tín dụng cho chính sách xã hội đến hết tháng 9 năm 2013 đạt 118,5 nghìn tỷ đồng, tăng 32,4% so với cuối năm 2010.

Chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh được nâng lên. Y tế dự phòng được quan tâm, không để bùng phát dịch bệnh

lớn. Đã triển khai nhiều giải pháp giảm quá tải bệnh viện. Ưu tiên đầu tư cho các bệnh viện quá tải cao, nhất là tuyến trung ương và tuyến cuối. Nhiều công trình bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đã và đang hoàn thành đưa vào sử dụng. Tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc, giá thuốc và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 63% năm 2010 lên 71,2% năm 2013. Tỷ lệ lây nhiễm HIV/AIDS được khống chế dưới 0,3% dân số.

Tám là, thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện nhiều giải pháp đề quản lý, sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa. Tích cực thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững. Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

2. Những hạn chế, điểm yếu

Bên cạnh những tác động tích cực như nêu trên, thì kinh tế VN vẫn bộc lộ những yếu điểm sau:

Một là, lạm phát vẫn chưa được kiểm soát vững chắc. Cân đối ngân sách đang gặp nhiều khó khăn, bội chi cao hơn kế hoạch. Việc thực hiện lộ trình định giá một số mặt hàng và dịch vụ thiết yếu theo thị trường còn chậm. Hoạt động kinh doanh của một số tổ chức tín dụng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán chưa phục hồi. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP không đạt kế hoạch. Hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế

vẫn còn thấp.

Hai là, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nợ xấu của các các tổ chức tín dụng thực tế vẫn còn rất cao. Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động còn lớn. Tăng trưởng GDP chưa đạt kế hoạch (5,4% so với kế hoạch 5,5%). Công nghiệp tăng trưởng còn chậm. Xuất khẩu nông sản khó khăn, hiệu quả còn thấp. Khả năng phòng tránh, giảm nhẹ tác hại của thiên tai đối với sản xuất và đời sống, nhất là sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế.

Ba là, tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với yêu cầu. Nhiều ngành, sản phẩm giá trị gia tăng còn thấp, chưa gắn được nhiều với mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đổi mới công nghệ còn chậm. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư còn thấp. Giải quyết nợ đọng trong xây dựng cơ bản còn chậm. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng chưa đạt yêu cầu; quản trị doanh nghiệp chậm đổi mới, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp. Chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế. Tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới còn chậm, ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội.

Bốn là, cải cách thể chế chưa đồng bộ, chưa có cơ chế chính sách đột phá thúc đẩy phát triển. Quy trình xây dựng, chất lượng và tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách còn nhiều bất cập. Cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Chất lượng giáo dục đào tạo và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, thiếu lao động chất lượng cao.

Đóng góp của khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội chưa nhiều. Hệ thống kết cấu hạ tầng vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, chưa có cơ chế chính sách hiệu quả để thu hút mạnh đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước.

Năm là, giải quyết việc làm chưa đạt kế hoạch. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khoảng cách giàu - nghèo còn lớn.

Sáu là, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém. Kỷ luật kỷ cương trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn chưa nghiêm. Một số công trình thủy điện chưa thực hiện tốt yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường. Ô nhiễm môi trường tại nhiều khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, lưu vực sông chậm được cải thiện. Khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn còn hạn chế. Tình trạng ngập lụt ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục.

3. Nguyên nhân

Một là, chưa dự báo hết sự phức tạp của môi trường quốc tế, khu vực tác động đến kinh tế VN, nên nhiều chính sách, giải pháp đề ra chưa kịp thời, phù hợp.

Hai là, chưa hiểu chính xác đầy đủ, sâu sắc, đồng bộ và ăn ý các chủ trương, quan điểm của Đảng và chính phủ về phát triển kinh tế trong hội nhập thế giới.

Ba là, chưa tạo được sự đột phá để huy động, tạo động lực thực sự tất cả vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Bốn là, thể chế, cơ chế quản lý nhà nước vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với kinh tế thị trường trong toàn cầu hóa.

4. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch từ năm 2014- 2015

Một là, VN sẽ có nhiều cơ hội kinh doanh và hợp tác mới do Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP. Không chỉ có TPP, VN đang thúc đẩy quá trình đàm phán nhiều hiệp định thương mại và hợp tác khác, như Cộng đồng Kinh tế chung Đông Nam Á (AEC), Hiệp định thương mại tự do với châu Âu hay Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế.

Hai là, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của VN năm 2014 sẽ cải thiện hơn so với năm 2013 nhưng không nhiều. Theo dự đoán của Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 của VN chỉ đạt 5,3% và tăng thêm chỉ 0,1 điểm phần trăm vào năm sau. Dự báo này có thể xem là hợp lý khi tổng mức đầu tư toàn xã hội so với GDP cho năm 2014 được định hướng vào khoảng 30%, tức tương đương năm nay.

Ba là, luồng vốn FDI và ODA khả quan hơn và thâm hụt thương mại không lớn sẽ hỗ trợ tốt cho giá trị của tiền đồng. Do đó, biên độ giảm giá có thể sẽ chỉ vào khoảng 2-3% cho năm sau. HSBC dự báo tỉ giá cho năm sau sẽ đứng ở mức 21.500 VND/USD, tức tỉ giá có thể tăng thêm 1,1%.

Bốn là, việc đầu tư công được mở rộng và thị trường thế giới phục hồi sẽ giúp cải thiện phần nào nguồn thu của các doanh nghiệp. Nhìn chung, 2014 sẽ vẫn là một năm khó khăn của các doanh nghiệp trong nước. FDI vẫn là ngôi sao Trong bối cảnh kinh tế trong nước tiếp tục đình trệ, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sẽ

tiếp tục là phao cứu sinh của nền kinh tế VN. Có thể thấy, tính đến tháng 11/2013, tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm lên tới hơn 20 tỷ USD, tăng đến 54% so với cùng kỳ năm trước. Các quốc gia đầu tư mạnh vào VN là Nhật, Singapore và Hàn Quốc. Vị trí địa lý thuận lợi, nguồn lao động giá rẻ và dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn với 90 triệu dân cùng viễn cảnh lợi ích do các hiệp định thương mại như TPP, AEC mang lại cũng sẽ giúp cho FDI vào VN tiếp tục khả quan trong năm tới.

Năm là, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng khả quan hơn so với năm 2013, kể cả đối với các nước phát triển và đang phát triển. Dự báo khu vực EU thoát khỏi khủng hoảng với mức tăng trưởng 0,9%, Mỹ 2,7% và Nhật 1,2%. cũng như khả năng thu hút đầu tư cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Đầu tư tư nhân trong nước cũng sẽ cải thiện nhờ những giải pháp chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh đã triển khai trong thời gian qua sẽ phát huy tác dụng trong năm tới, và những biện pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu giúp hệ thống tài chính cải thiện và nâng cao khả năng cấp tín dụng.

Sáu là, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá từ những dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Giá hàng hóa thế giới được dự báo không có biến động lớn, thậm chí giảm, trong hai năm tới. Ngân hàng Thế giới dự báo trong năm 2014-2015, giá năng lượng giảm tương ứng 1% và 0,8%, giá hàng hóa phi năng lượng giảm tương ứng 0,3% và 0,9%.

Bảy là, cạnh tranh giữa các nước lớn tại khu vực châu Á - Thái

Bình Dương và tranh chấp chủ quyền trên biển đảo tiếp tục diễn ra gay gắt. Kinh tế thế giới phục hồi chậm và còn nhiều khó khăn. Liên kết kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong khu vực tiếp tục chuyển biến sâu sắc theo hướng tăng cường hợp tác và cạnh tranh thông qua các hiệp định thương mại tự do. Việc hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các Hiệp định thương mại tự do với EU và với các đối tác lớn khác sẽ mở ra cho nước ta những thuận lợi và cơ hội phát triển mới nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức, khó khăn.

Tám là, nợ xấu sẽ tăng chứ không giảm dù Công ty quản lý tài sản quốc gia VAMC đã được thành lập, nhưng nhìn chung, hoạt động của nó vẫn chỉ dừng ở mức tạm thời là nơi nắm giữ nợ xấu thay cho các ngân hàng. Còn cơ chế xử lý nợ triệt để hay bán nợ cho bên thứ ba vẫn chưa định hình rõ ràng và điều này sẽ khiến việc xử lý nợ xấu tiếp tục đình trệ trong năm sau. Ngoài ra, sau một thời gian bị trì hoãn, Thông tư 02 về phân loại lại nợ xấu sẽ có hiệu lực trở lại kể từ ngày 1/6/2014 và điều này có thể sẽ khiến nợ xấu tăng mạnh. Theo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình, năm nay đã có hơn 300.000 tỷ đồng được bật đèn xanh “tái cơ cấu” mà trong đó có tới 60%, tức 180.000 tỷ đồng, đã ngay lập tức chuyển thành nợ xấu nếu không được tái cơ cấu. Con số “tạm giấu” này nhiều khả năng sẽ xuất hiện vào nửa cuối năm sau, đẩy tăng nợ xấu. Thêm vào đó, nếu nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng thấp, số lượng doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động không giảm, cùng một hệ thống luật pháp về phá sản chưa được sửa đổi cho

phù hợp với thực tế.

Chín là, M&A sẽ sôi động hơn Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) trong năm sau sẽ nhộn nhịp hơn vì nhiều lý do. Đó là tác động từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi số lượng doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa trong năm sau nhiều khả năng sẽ tăng mạnh khi Chính phủ đang tỏ ra kiên định hơn trong việc tái cấu trúc khu vực này.

Mười là, bất động sản tiếp tục đóng băng trong năm 2014 khi nguồn cung nhà tiếp tục tăng trong khi sức tiêu thụ vẫn yếu. Tuy vậy, đến cuối năm 2014, thị trường có thể sẽ khả quan hơn nhờ các hoạt động M&A cũng như sự khởi sắc của các hoạt động kinh tế. Chính sách xem xét nới lỏng điều kiện mua nhà tại VN của người nước ngoài sẽ tác động tích cực đến thị trường. Nhưng nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động bất động sản sẽ vẫn gặp nhiều khó khăn trong năm tới.

5. Chỉ tiêu và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 – 2015

5.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
CPI (%)	7	6,5
GDP (%)	5,6-5,8	6-6,2
Tín dụng (%)	15	15
Xuất khẩu (%)	12	14

Nguồn: Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

5.2. Các giải pháp

Một là, kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, chính sách tài khóa chặt chẽ. Điều hành lãi

suất phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Tăng dự trữ ngoại hối, thị trường ngoại hối, thị trường vàng, bảo đảm giá trị đồng tiền VN. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu. Tăng dự trữ ngoại hối. Thúc đẩy phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

Hai là, tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tập trung chống thất thu, thực hiện triệt để tiết kiệm, kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết. Đề nghị Quốc hội xem xét chấp thuận mức bội chi ngân sách nhà nước năm 2013 - 2014 là 5,3% GDP, từ năm 2015 sẽ điều chỉnh giảm dần. Dành bội chi ngân sách cho đầu tư phát triển và trả nợ. Bảo đảm tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ năm 2014 không thấp hơn năm 2013 để thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược và phục hồi tăng trưởng. Phát hành thêm trái phiếu chính phủ trong trần nợ công cho phép (65% GDP). Kiểm soát chặt chẽ nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia, bảo đảm trong giới hạn an toàn. Sử dụng cổ tức từ các doanh nghiệp có cổ phần nhà nước chưa giao về Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn (SCIC) để bổ sung vốn đầu tư cơ sở hạ tầng trong 2 năm 2013 - 2014.

Ba là, tiếp tục thực hiện cơ chế giá thị trường đối với các mặt hàng, dịch vụ công thiết yếu như điện, than, xăng dầu, nước, dịch vụ y tế... theo lộ trình phù hợp, bảo đảm yêu cầu kiểm soát lạm phát, công khai minh bạch và có hỗ trợ cho các đối tượng chính



sách, người nghèo. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả.

Bốn là, tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người VN ưu tiên dùng hàng VN”. Thực hiện đồng bộ các giải pháp và khai thác có hiệu quả các cơ hội, các ưu đãi trong cam kết quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu.

Năm là, hạn chế phát sinh và đẩy nhanh xử lý nợ xấu và phát huy vai trò của Công ty Quản lý tài sản (VAMC). Ưu tiên vốn tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao. Điều hành lãi suất cho vay phù hợp và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn.

Sáu là, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là về thuế, hải quan, đất đai, thành lập, giải thể doanh nghiệp... tạo thuận lợi và giảm chi phí cho sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện có hiệu quả gói hỗ trợ nhà ở xã hội và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

Bảy là, thực hiện các giải pháp hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo đặc thù ngành, các chính

sách ưu đãi về thuế, tín dụng đầu tư của nhà nước, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao; chính sách khuyến công, khuyến nông. Hỗ trợ phù hợp việc tiêu thụ đối với các mặt hàng chủ lực và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tạo thuận lợi đẩy mạnh phát triển du lịch và các ngành dịch vụ.

Tám là, triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư công, kế hoạch đầu tư trung hạn. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, cấp thiết, vốn đối ứng ODA, vốn giải phóng mặt bằng và vốn tham gia các dự án hợp tác công - tư (PPP). Tăng đầu tư cho nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, y tế, giáo dục và vùng đặc biệt khó khăn. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư gắn với tăng cường giám sát, thanh tra, bảo đảm quản lý thống nhất và đề cao trách nhiệm của địa phương, chủ đầu tư. Tích cực xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường quản lý đầu tư, bảo đảm chất lượng và tiến độ công trình.

Chín là, đẩy mạnh thu hút đầu tư xã hội, đầu tư nước ngoài. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp ngoài nhà nước tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên. Thu hút các

tập đoàn đa quốc gia đầu tư các dự án lớn, công nghệ cao, thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo bước chuyển mạnh trong chuyển dịch cơ cấu. Sớm xây dựng, phê duyệt, triển khai thực hiện một số đề án thành lập khu hành chính - kinh tế đặc biệt.

Mười là, tiếp tục tái cơ cấu toàn diện các tổ chức tín dụng, nhất là các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Tiếp tục cổ phần hóa và nâng cao sức cạnh tranh của các ngân hàng thương mại quốc doanh. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm an toàn hệ thống. Xử lý có hiệu quả tình trạng sở hữu chéo. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán; tăng cường quản lý nhà nước đối với các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm.

Mười một, tiếp tục tái cơ cấu các tập đoàn và tổng công ty nhà nước theo đề án được duyệt. Đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo nguyên tắc thị trường. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng kiểm soát nội bộ và công tác cán bộ. Tăng cường quản lý nhà nước, quản lý của chủ sở hữu và công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra. Thực hiện công khai minh bạch hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

Mười hai, hoàn thiện cơ chế chính sách để giữ và sử dụng hiệu quả đất lúa và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, chăn nuôi quy mô lớn, các khu nông

ng nghiệp công nghệ cao. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Khuyến khích hợp tác, liên kết từ sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường quốc doanh. Ưu tiên nguồn lực và huy động toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động. Đẩy mạnh thực hiện chiến lược biển, phát triển có hiệu quả các ngành kinh tế biển. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ.

Mười ba, đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng chuyển từ gia công chế biến sang sản xuất và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản. Chú trọng đổi mới công nghệ, nhất là công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và phát triển các dạng năng lượng tái tạo. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và bảo đảm chất lượng đầu tư các dự án công nghiệp trọng điểm. Có chính sách hỗ trợ để phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo.

Mười bốn, đẩy mạnh phát triển du lịch và các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có giá trị gia tăng cao như công nghệ thông tin và truyền thông, vận

tải, logistics, tài chính - ngân hàng...

Mười lăm, thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược: cải cách thể chế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

Cuối cùng, phát triển văn hóa xã hội và bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Kết luận

Mặc dù nhìn chung thì ổn định kinh tế vĩ mô đã được củng cố nhưng vẫn còn một vài rủi ro quan trọng: Tổng cầu của khu vực tư nhân vẫn còn yếu và rất dễ bị ảnh hưởng bởi bất kỳ diễn biến kinh tế tiêu cực nào. Tuy xác suất nhỏ nhưng vẫn còn rủi ro nữa là các cơ quan chức năng có thể buộc phải nới lỏng quan điểm chính sách tài khóa và tiền tệ thận trọng để kích cầu khu vực tư nhân còn yếu. Đà cải cách cơ cấu có thể lại tiếp tục chậm lại, khiến cho tăng trưởng GDP tiếp tục ở mức thấp và làm giảm bền vững tài khóa. Khu vực ngân hàng có thể bị ảnh hưởng trước những chuyển dịch về lòng tin của người gửi tiền và bảng cân đối tài sản của các ngân hàng yếu kém có khả năng tiếp tục xấu đi●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bài viết: <http://news.zing.vn/8-du-bao-kinh-te-Viet-Nam-2014-post375691.html>

Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ tại Quốc hội, ngày 21/10/2013 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015.

Tổng cục Thống kê
Ủy ban Tài chính Tiền tệ Quốc gia